

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/KDTM-PT
Ngày: 04-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng gia công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hữu Xuân.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhàn;
Ông Phan Trí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 3 và 04 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 02/2019/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng gia công.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 23/2018/KDTM-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH YJ; địa chỉ: Khu phố K1, phường P1, thị xã Q1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông V, sinh năm 1955; địa chỉ: Phường P2, Quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/3/2018).

2. Bà LD, sinh năm 1984; địa chỉ: Phường P3, quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/3/2018).

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV AK; địa chỉ: phường P4, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1988; địa chỉ: Phường P5, thị xã D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/02/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Mai Tiến L - Luật sư của Chi nhánh Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Phường P5, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng:* Ông Phạm Tấn AV, sinh năm 1983; thường trú: Phường P6, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH MTV AK.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông V và bà LD trình bày:

Vào ngày 31/3/2017, Công ty TNHH YJ (gọi tắt là Công ty YJ) và Công ty TNHH MTV AK (gọi tắt là Công ty AK) ký kết Hợp đồng gia công hàng may mặc số 01GC/AK-YJ/2017. Thực hiện hợp đồng, Công ty YJ đã giao hàng đầy đủ (đính kèm phiếu xuất kho) và xuất hóa đơn VAT số 0000696 ngày 14/4/2017 cho phía Công ty AK, trị giá của hợp đồng là 208.699.768 đồng.

Tiếp đó, ngày 14/4/2017, Công ty YJ và Công ty AK ký kết Hợp đồng gia công hàng may mặc số 02GC/AK-YJ/2017. Thực hiện hợp đồng, Công ty YJ đã giao hàng đầy đủ (đính kèm phiếu xuất kho) và xuất hóa đơn VAT số 0000704 ngày 15/6/2017 cho phía Công ty AK, trị giá của hợp đồng là 688.141.430 đồng.

Tổng giá trị 02 đơn hàng là 896.841.198 đồng.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng hai bên ký kết thì: “Bên A sẽ thanh toán tiền gia công (tính luôn thuế) cho bên B bằng chuyển khoản trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng”. Tuy nhiên, phía bên Công ty AK không thực hiện.

Ngày 20/6/2017, Công ty YJ gửi thông báo lần 1 về việc yêu cầu thanh toán số tiền trên nhưng phía Công ty AK không thanh toán.

Ngày 21/8/2017, Công ty YJ gửi thông báo lần 2 đề nghị phía Công ty AK thanh toán số tiền trên nhưng cho đến nay phía Công ty AK cũng không thanh toán cho Công ty YJ.

Nay Công ty YJ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty AK thanh toán số tiền gia công còn nợ là 896.841.198 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,03% mỗi ngày tạm tính từ ngày 20/6/2017 đến ngày 10/10/2017, tổng số là 27.558.424 đồng/02 hợp đồng.

Như vậy tổng số tiền Công ty AK phải trả là 924.399.622 đồng.

*Tại bản tự khai ngày 15/3/2018, lời khai trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hữu B trình bày:

Công ty TNHH MTV AK không biết Công ty TNHH YJ, vì vậy không có chuyện ký kết hợp đồng gia công may mặc với Công ty TNHH YJ.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý.

* Tại bản tự khai ngày 09/3/2018 người làm chứng ông Phạm Tấn AV trình bày:

Vào ngày 15/3/2017 ông AV có lái xe tải biển số 61LD-02356 để giao lô hàng thành phẩm quần áo gia công từ nhà xưởng của Công ty TNHH YJ sang nhà xưởng của Công ty TNHH MTV AK. Chi tiết về qui cách, số lượng của lô hàng trên như sau: UBTA521A: 1264 + 10 cái = 18 caeton; UBTA524A: 22 cái = 1 caeton; UBTA571A: 1309 cái = 24 caeton.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Cho rằng hợp đồng gia công, giữa Công ty TNHH YJ và Công ty TNHH MTV AK, chỉ có một bên tham gia ký kết, không đúng với nguyên tắc giao kết hợp đồng, cho nên những chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp đều không chứng minh được việc Công ty TNHH YJ có gia công các mặt hàng quần áo cho Công ty TNHH MTV AK. Do đó luật sư đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Công văn số 3007/GC-TH ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Hải quan quản lý hàng gia công thuộc Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp thông tin tờ khai xuất khẩu của Công ty AK, xác định có xuất khẩu mã hàng UBTA524A, UBTA521A, EBTA440C và kèm theo có cung cấp 08 bộ hồ sơ sao y xuất nhập khẩu của Công ty AK.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 23/2018/KDTM-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương đã tuyên:

Buộc Công ty TNHH MTV AK có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH YJ số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng gia công hàng may mặc số 01GC/AK-YJ/2017 ngày 31/3/2017 và Hợp đồng gia công hàng may mặc số 02GC/AK-YJ/2017 ngày 14/4/2017 là 924.399.622 (chín trăm hai mươi bốn triệu ba trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm hai mươi hai) đồng; trong đó, tiền nợ là 896.841.198 đồng và tiền lãi 0,03% mỗi ngày tính đến ngày 10/10/2017, tổng số là 27.558.424 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 19/11/2018, bị đơn Công ty TNHH MTV AK có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và điều tra chưa đầy đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng: Nguyên đơn Công ty TNHH YJ (gọi tắt là Công ty YJ) và bị đơn Công ty TNHH MTV AK (gọi tắt là Công ty AK) ký kết Hợp đồng gia công hàng may mặc số 01GC/AK-YJ/2017 ngày 31/3/2017. Thực hiện hợp đồng, Công ty YJ đã giao hàng đầy đủ (đính kèm phiếu xuất kho) và xuất hóa đơn VAT số 0000696 ngày 14/4/2017 cho phía Công ty AK, trị giá của hợp đồng là 208.699.768 đồng. Hợp đồng gia công hàng may mặc số 02GC/AK-YJ/2017 ngày 14/4/2017; thực hiện hợp đồng, Công ty YJ đã giao hàng đầy đủ (đính kèm phiếu xuất kho) và xuất hóa đơn VAT số 0000704 ngày 15/6/2017 cho phía Công ty AK, trị giá của hợp đồng là 688.141.430 đồng. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hai bản hợp đồng trên chỉ có chữ ký của nguyên đơn, một số phiếu xuất kho và 8 bộ hồ sơ sao y xuất khẩu.

Bị đơn không thừa nhận có ký hợp đồng với nguyên đơn nên không phát sinh những nghĩa vụ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm sau:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng việc giao dịch để ký hai hợp đồng trên là do nhân viên của mình là bà Hải L trao đổi nội dung và gửi mail cho nhân viên của bị đơn, các mail nguyên đơn xuất trình thể hiện xuyên suốt quá trình giao dịch với các nhân viên bị đơn gồm nhân viên L1 (loi**ungqn9@gmail.com) ĐT: 01652.288.XXX - 0938.013.XXX; Hoài T (hoai**uong7tvk38@gmail.com) – 0964.717.XXX, 098.346.9XXX và Mr. C – người cho các đơn vị khác gia công hàng (bút lục 120). Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ mời làm việc yêu cầu cung cấp thông tin bà Hoài T (các bên cho rằng bà T đã nghỉ việc, không có địa chỉ liên hệ) mà chưa làm rõ những người liên quan khác như bà L1, ông C là chưa có căn cứ vững chắc xác định giữa hai bên có giao dịch hai hợp đồng trên.

[2.2] Kiểm tra các phiếu xuất kho:

- Phiếu xuất kho ngày 29/4 và 09/5/2017 (bút lục 5, 6, 7, 11) thể hiện xuất thành phẩm từ kho Công ty YJ sang cho Công ty AK đối với mã hàng EBTA440C, tuy nhiên chỉ có người lập phiếu (tên QT) và Giám đốc ký, mà không có chữ ký người nhận hàng.

- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ của Công ty YJ (bút lục 12-18): Thể hiện xuất thành phẩm từ kho Công ty YJ sang cho Công ty AK như sau:

+ Ngày 15/3/2017 (bút lục 17): Người vận chuyển Phạm Tuấn AV – xe tải 61 LD 02356, chuyển hàng UBTA521A (136 cái), UBTA524A (22 cái), UBTA571A (1309 cái).

+ Ngày 01/4/2017 (bút lục 18): Người vận chuyển Phạm Tuấn AV – xe tải 61 LD 02356, chuyển hàng UBTA524A (1525 cái).

+ Ngày 04/4/2017 (bút lục 15): Người vận chuyển Phạm Tuấn AV – xe tải 61 LD 02356, chuyển hàng UBTA524A (390 cái), UBTA521A (740 cái).

+ Ngày 10/4/2017 (bút lục 16): Người vận chuyển Phạm Tuấn AV – xe tải 61 LD 02356, chuyển hàng UBTA521A (189 cái).

+ Ngày 17/4/2017 (bút lục 14): Người vận chuyển – xe tải 60C 34162, chuyển hàng EBTA440C (4000 cái).

+ Ngày 22/4/2017 (bút lục 13): Người vận chuyển Phạm Tuấn AV – xe tải 61 LD 02356, chuyển hàng EBTA440C (3000 cái).

+ Ngày 26/4/2017 (bút lục 12): Người vận chuyển- xe AK, chuyển hàng EBTA440C (180 cái).

Tổng: Mã hàng UBTA521A xuất 1065 sản phẩm; mã hàng UBTA524A xuất 1937 sản phẩm; mã hàng UBTA571A xuất 1309 sản phẩm; mã hàng EBTA440C xuất 7180 sản phẩm.

Tất cả phiếu xuất kho chỉ có ký tên người lập phiếu và người nhận hàng mà không ghi họ tên người cụ thể. Bị đơn cho rằng bị đơn không có giao dịch với nguyên đơn vậy người nhận hàng trong các phiếu xuất kho do nguyên đơn xuất trình có phải là người của công ty bị đơn hay không? Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng lời khai của nhân chứng là người vận chuyển Phạm Tuấn AV về việc ghi nhận ông AV có lái xe để giao lô hàng thành phẩm của Công ty YJ cho Công ty AK, nhưng sau đó trong hồ sơ vụ án không thể hiện việc triệu tập lại ông AV đến tham gia phiên tòa mà xét xử vắng mặt ông AV. Trong khi có sự mâu thuẫn trong lời khai của nhân chứng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ, cụ thể: Ngày 15/3/2017 (bút lục 17), ông AV có

chuyển hàng thành phẩm từ Công ty YJ đến Công ty AK, là không phù hợp với việc nguyên đơn trình bày ngày nguyên đơn giao hàng cho bị đơn là ngày 03/5/2017 tại Thông báo của Công ty YJ đề nghị Công ty AK thanh toán tiền hàng đợt 1 (bút lục 10); Danh mục nguyên liệu (bút lục 127) thể hiện Công ty AK giao cho Công ty YJ gia công (tài liệu Công ty YJ tự cung cấp) thì ngày 23/3/2017, Công ty AK cũng mới giao vật tư, nguyên liệu qua cho Công ty YJ. Vậy, ngày 15/3/2017 Công ty YJ lấy đâu ra sản phẩm gia công để xuất cho Công ty AK?

[2.4] Theo Hợp đồng gia công hàng may mặc số 01GC/AK-YJ/2017 ngày 31/3/2017; Hợp đồng gia công hàng may mặc số 02GC/AK-YJ/2017 ngày 14/4/2017 thì điều kiện để thanh toán là có Biên bản thanh lý nguyên phụ liệu giữa hai bên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa yêu cầu nguyên đơn cung cấp là điều tra chưa đầy đủ.

[2.5] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng các hồ sơ sao y xuất khẩu xác nhận Công ty AK có xuất các mã hàng UBTA524A, UBTA521A, EBTA440C ra nước ngoài từ ngày 01/4/2017 đến ngày 29/4/2017 để kết luận lô hàng nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi tiền gia công là những lô hàng này. Xét thấy: Đối chiếu về thời gian giao hàng và số lượng hàng hóa tại các phiếu xuất kho đã liệt kê tại tiêu mục [2.2] với thời gian kê khai hàng hóa và số lượng hàng hóa xuất khẩu tại 08 bộ hồ sơ sao y xuất nhập khẩu của Công ty AK (theo Công văn số 3007/GC-TH ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Hải quan quản lý hàng gia công thuộc Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh) đều không phù hợp; đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã khẳng định rằng các tờ khai trên chỉ chứng minh cho việc bị đơn đã xuất những mã hàng mà nguyên đơn có sản xuất, gia công, còn các tờ khai xuất nhập khẩu của Công ty AK trong 08 bộ hồ sơ trên không phải là tờ khai của số hàng mà nguyên đơn đã giao cho bị đơn. Như vậy, chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng trong trường hợp này là vi phạm Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích tại mục [2] là nghiêm trọng và điều tra chưa đầy đủ, Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung nên cần căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 26/10/2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH YJ xác định Công ty TNHH Thời trang M có trụ sở tại phường P6, thị xã TA là chủ sở hữu của Công ty YJ và người đại diện

theo pháp luật của Công ty là ông Ha Tae H. Do vậy, khi thụ lý giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm nên hỏi ý kiến ông Ha Tae H về các vấn đề như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, việc ủy quyền...

[5] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên Công ty TNHH MTV AK không phải nộp.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; đề nghị của Viện Kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 23/2018/KDTM-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH MTV AK không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty TNHH MTV AK 2.000.000 (Hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0020436 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 04/4/2019./.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|----|
| - Các đương sự; | 04 |
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 01 |
| - Chi cục THADS thị xã D; | 01 |
| - TAND thị xã thị xã D; | 01 |
| - Tổ HCTP; | 01 |
| - Lưu: Hồ sơ, Tòa Kinh tế. | 02 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Thái Thị Hữu Xuân